TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-PT
Ngày: 16 - 5 - 2022
"V/v Tranh chấp chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội Đ xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà
Ông Nguyễn Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung". Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2022/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Viết Đ, sinh năm 1950.

Nơi ĐKHKTT: 653/4, đường Q, phường 11, quận G, thành phố H. Vắng mặt.

Địa chỉ tạm trú: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại D theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1992. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn V D, sinh năm 1977; Có mặt.

Đều có địa chỉ tại: Văn phòng Luật sư V D và cộng sự, Phòng 301, toà nhà Yên Hoà, Số 9A, đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, thành phố V, Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Viết Đ, bị đơn bà Hoàng Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo nguyên đơn, người đại D theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Do có tình cảm và có ý định gây dựng gia đình với bà Hoàng Thị N nên vào năm 2016, ông Phạm Viết Đ có nhận chuyển nhượng một thửa đất tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An với giá 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) Đ. Thửa đất này là do ông Đường Minh T (Địa chỉ: khối 7, xã Hưng Lộc, thành phố V, tỉnh Nghệ An) đứng ra giao dịch (về thỏa thuận giá chuyển nhượng và giao nhận tiền), nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H Y và đứng tên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 859704 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông H và bà Y ngày 28/09/2009). Vậy nên, việc giao nhận tiền là do ông Đ thực hiện với ông Đường Minh T và thủ tục hợp Đ chuyển nhượng qua công chứng lại thực hiện với vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H Y. Ngày 18/07/2016, ông Đ đặt cọc trả trước cho anh Thành số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu*)* Đ. Ngày 01/08/2016, ông Đ hẹn anh Đường Minh T và vợ chồng bà Nguyễn Thị H Y và ông Nguyễn Thanh H đến ngân hàng Vietinbank để thanh toán số tiền còn lại. Tại đây, ông Đ đã rút số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu*)* Đ, số tiền này ông Đ có được là do trước đó ông Đ có bán một thửa đất trong thành phố H nên ngày 25/07/2016 và ngày 29/07/2016 người mua đã chuyển tiền thanh toán việc mua đất qua số tài khoản 101010001649162 cho ông Đ. Sau khi rút tiền tại ngân hàng, ông Đ đã giao trực tiếp số tiền 1.150.000.000 (Một tỷ một trăm năm mươi triệu) Đ còn lại cho anh Đường Minh T trước sự chứng kiến của vợ chồng bà Nguyễn Thị H Y và ông Nguyễn Thanh H. Ngày 18/10/2016, Ủy ban nhân dân thành phố V cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho thửa đất nói trên gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 741126 mang tên ông và bà Hoàng Thị N (người cùng sử dụng) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tà sản khác gắn liền với đất số CE 741127 mang tên bà Hoàng Thị N và ông. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và bà Hoàng Thị N nhưng ông là người trực tiếp giao dịch và bỏ tiền ra để mua quyền sử dụng đất nói trên từ ông Đường Minh T, bà N không có bất cứ đóng góp công sức, tài sản nào vào việc hình thành đối với tài sản trên. Điều này được thể hiện tại Giấy xác nhận mua đất và thanh toán lập ngày 25/05/2018. Đến năm 2017, ông Đ xây dựng trên thửa đất này 01 ngôi nhà 02 tầng, D tích sàn 180m^2 (đã xây dựng xong phần thô) trên thửa đất. Toàn bộ ngôi nhà này là do ông bỏ tiền xây dựng. Ông thuê khoán ông Nguyễn Văn D (xóm Hòa Thuận 2, xã Hưng Hòa, thành phố V, Nghệ An) xây dựng căn nhà. Theo hợp Đ thi công xây

dựng nhà ở ngày 12/03/2017 kí kết giữa ông và ông Nguyễn Văn D thì giá thi công xây dựng hoàn chỉnh ngôi nhà đến khi bàn giao công trình là 1.080.000.000 (Một tỷ không trăm tám mươi triệu) Đ. Khi mới xây dựng xong phần thô, vì lý do ông gặp khó khăn về tiền bạc nên ông và ông Nguyễn Văn D thống nhất dừng thi công ngôi nhà trên và thanh lý hợp Đ đã ký ngày 20/10/2017. Tại thời điểm thanh lý hợp Đ ngày 20/10/2017, ông đã thanh toán cho ông Nguyễn Văn D số tiền 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu*)* Đ. Đối với tài sản là ngôi nhà thì do ông bỏ toàn bộ chi phí xây dựng. Nay, do không đi đến hôn nhân với bà Hoàng Thị N được nên ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết tài sản chung như sau: Chia tài sản chung giữa ông Phạm Viết Đ và bà Hoàng Thị N là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, D tích 261,9m^2, tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An với tỉ lệ như sau: Ông Phạm Viết Đ được hưởng 85% giá trị thửa đất, bà Hoàng Thị N được hưởng 15% giá trị thửa đất. Đ thời giao toàn bộ ngôi nhà 02 tầng gắn liền với thửa đất nói trên cho ông vì đây là tài sản riêng của ông, do ông bỏ toàn bộ chi phí ra để xây dựng.

Ý kiến của bị đơn bà Hoàng Thị N: Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị N thừa nhận và Đ ý việc chia tài sản chung giữa bà và ông Đ là thửa đất số 237 tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V như yêu cầu của ông Đ; nhưng theo ý kiến của bà, bà có cùng tham gia giao dịch, nhận chuyển nhượng thửa đất từ anh H, chị Y, bà có góp một nửa giá trị thửa đất khi giao dịch là 600.000.000 Đ cùng với ông Đ để nhận chuyển nhượng thửa đất. Ngoài ra, bà N còn có đơn yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Đ là ngôi nhà hai tầng xây trên thửa đất vào năm 2017. Đối với tài sản trên đất, bà cũng cùng ông Đ thống nhất làm nhà, cùng góp tiền, mua vật liệu để xây nhà và tạo lập tài sản chung đó. Nay bà có nguyện vọng được ½ giá trị tài sản tranh chấp (nhà và giá trị quyền sử dụng đất), và có nguyện vọng được lấy nhà và đất để sử dụng trích giá trị tài sản chung bằng tiền cho ông Đ.

Ý kiến người làm chứng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H Y, ông Đường Minh T (người bán đất) đều thống nhất khai, vào năm 2016, có giao dịch và làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 273 cho ông Phạm Viết Đ và bà Hoàng Thị N. Giá thửa đất là 1.200.000. 000 Đ, ông Thành là người nhận tiền đặt cọc từ ông Đ ; Vào ngày 1/8/2016, việc giao nhận tiền còn lại thực hiện tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh thành phố V; việc chuyển nhượng tiến hành tại Văn phòng công chứng Trường Thi; ông Thành và ông H đều khai, việc giao dịch trả tiền diễn ra tại vào ngày 1/8/2016 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh thành phố V, cả ông Thành và ông H đều thừa nhận thấy ông Đ rút 1.200.000.000 Đ và giao 1.150.000.000 Đ cho bên chuyển nhượng (trừ số tiền cọc

đã nộp), tại đó có mặt bà N, ông Đ, ông H, chị Y, và không biết và không thấy việc ông Đ và bà N có góp tiền và góp bao nhiêu hay không.

Ý kiến người làm chứng ông Nguyễn Văn D (người làm nhà) khai: Vào năm 2017, ông là chủ tốp thợ chuyên xây được ông Đ thuê đến xây nhà tại thử đất số 273, xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa. Thời gian đầu là làm theo hình thức khoán công thợ, chủ nhà mua vật liệu; sau khi làm xong phần móng, vì ông Đ hay đi xa nên đã khoán cho ông cả việc mua vật liệu để xây nhà, ông Đ thanh toán tiền vật liệu cho ông làm nhiều lần, nhưng đến khi dừng việc xậy dựng ông Đ và ông mới làm quyết toán và thanh lý hợp Đ xây dựng. Ông D khẳng định, tiền công làm nhà và vật liệu chủ yếu là do ông Đ thanh toán với ông (ông Đ đã thanh toán xong cả tiền công và tiền vật liệu). Trong thời gian làm nhà, ông có thấy bà N có đến thăm công trình, hỏi thăm và chăm sóc thợ, có mua và lấy một ít vật liệu (thời kỳ làm móng), còn việc bà N có góp tiền làm nhà với ông Đ hay không, ông không biết.

Ngày 21/01/2021 và ngày 30/3/2021, Tòa án tiến hành thẩm định tài sản và tổ chức định giá đối với tài sản tranh chấp, thể hiện kết quả như sau: Thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An, D tích thửa đất 261,9m^2 , trên đất có một ngôi nhà đã xây dựng phần thô; bao quanh thửa đất có bờ rào; Giá đất là 6.000.000đ/m^2 x 261,90 m^2 = 1.571.400.000đ; Tài sản trên đất nhà 2 tầng = 572.400.000 Đ; Hàng rào: 14.386.000đ; Tổng giá trị tài sản là: 2.157.000.000 Đ.

Với nội dung trên, Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, BLTTDS 2015; Điều 207, Điều 209, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Viết Đ và yêu cầu của bà Hoàng Thị N về việc chia tài sản chung.

Chia cho ông Phạm Viết Đ được hưởng tổng giá trị tài sản chung là 1.607.753.000 đ (Một tỷ, sáu trăm linh bảy triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn Đ); Chia cho bà Hoàng Thị N được hưởng tổng giá trị tài sản chung là 550.433.000đ (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn Đ);

Giao cho ông Phạm Viết Đ được quyền sử dụng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, diện tích 261,9 m^2, tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An và các tài sản trên đất;

Sau khi ông Phạm Viết Đ thực hiện thanh toán cho bà Hoàng Thị N số tiền nói trên (550.433.000 Đ), ông Phạm Viết Đ có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan

Nhà nước thẩm quyền để thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với toàn bộ nhà đất tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự trong vụ án.

Ngày 08/10/2021, bị đơn bà Hoàng Thị N kháng cáo và ngày 02/11/2021 bà Hoàng Thị N có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Bà N cho rằng quyết định của Toà án nhân dân thành phố V chưa khách quan, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà N, vì vậy bà yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố V hoặc xét xử lại theo hướng buộc ông Phạm Viết Đ pH chia đôi thửa đất số 273 và tài sản là căn nhà hai tầng đang trong quá trình xây dựng trên thửa đất.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn ông Phạm Viết Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định, chia tài sản chung giữa ông Đ và bà N là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, D tích 261,9m^2 tại xóm Khánh Hậu, xã H, thành phố V, Nghệ An với tỉ lệ: Ông Đ được hưởng 85% giá trị thửa đất, bà N được hưởng 15% giá trị thửa đất. Đối với ngôi nhà 2 tầng gắn liền với thửa đất là tài sản riêng của ông Đ do ông Đ bỏ chi phí xây dựng nên đề nghị Toà án xem xét không chia cho bà N mà giao toàn bộ ngôi nhà 2 tầng gắn liền với thửa đất nói trên cho ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Viết Đ và bị đơn bà Hoàng Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội Đ xét xử xem xét chấp nhận.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội Đ xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội Đ xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Viết Đ, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến Đại D Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Xét nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị N và ông Phạm Viết Đ về việc phân chia tài sản chung. Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Năm 2016, ông Phạm Viết Đ và bà Hoàng Thị N cùng nhau tham gia giao dịch, nhận chuyển nhượng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, diện tích 261,9 m^2, tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 741126, CE 741127 mang tên hai người là ông Phạm Viết Đ và bà Hoàng Thị N. Cả ông Đ và bà N đều xác định và thống nhất thửa đất số 273 là tài sản chung của hai người.

[1.2] Đối với ngôi nhà hai tầng được xây dựng trên thửa đất, ông Đ có ý kiến đây là tài sản riêng của ông vì ông bỏ toàn bộ tiền ra để làm nhà; bà N có ý kiến ngôi nhà là do bà và ông cùng thống nhất xây, bà cũng đóng góp tiền và công sức, nên đây cũng là tài sản chung. Xét thấy, căn cứ lời khai của người làm chứng và các tài liệu có tại hồ sơ, sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất, vào năm 2017, ông Đ và bà N đã tiến hành việc xây nhà trên đất, cụ thể bà N là người đi làm giấy phép xây dựng, chăm sóc thợ, trông nom công trình, mua vật liệu để làm nhà. Nên, tài sản chung giữa ông Đ và bà N được xác định gồm một thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, diện tích 261,9 m^2, tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An và tài sản trên đất (là ngôi nhà hai tầng đã xây dựng phần thô trên thửa đất và phần bờ rào có từ khi mua đất).

[1.3] Về phần đóng góp để nhận chuyển nhượng thửa đất: Mặc dù bà N có tham gia giao dịch mua đất và cho rằng có góp tiền vào cùng với ông Đ 600 triệu Đ, nhưng lại không cung cấp được chứng cứ phần tiền mình góp vào để cùng ông Đ mua thửa đất, cũng như không có chứng cứ về việc trả tiền giao dịch mua đất. Trong khi đó, ông Đ cung cấp được nguồn tiền dùng để nhận chuyển nhượng thửa đất là 1.200.000.000 Đ do ông bán đất trong miền Nam, phù hợp với sao kê của Ngân hàng Công thương Chi nhánh Nghệ An. Kết quả điều tra xác minh tại Ngân hàng tại Công văn số 317/CNTPV-PGDTT ngày 15/7/2021, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh thành phố V cung cấp thông tin thể hiện: Số tài khoản 101000110176 có đăng ký tên Phạm Viết Đ; địa chỉ 63/301, Đông Du, phường Bến Nghé, quận 1 thành phố H; Sao kê giao dịch kèm theo công văn thể hiện từ ngày 1/1/2016 đến 31/12/2016 giao dịch như sau: Ngày 25/7/2017 nhận chuyển đến 550.000.000 Đ và ngày 29/7/2016 nhận chuyển đến số tiền 650.000.000 Đ và ngày 01/8/2016 rút 1.200.000.000 Đ, Đ thời phù hợp lời khai của người nhận chuyển nhượng là ông Thành, ông H, bà Y.

Như vậy, việc nguồn tiền để hình thành thửa đất toàn bộ là tiền của ông Đ. Tuy nhiên, bà N cũng có công sức trong việc cùng ông Đ tìm kiếm và giao dịch, làm thủ tục tại cơ quan chức năng để được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất, giữa ông Đ và bà N có sự Đ thuận với nhau khi mua đất đó là cả ông Đ và bà N đều đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[1.4] Đối với đóng góp là tài sản trên đất (ngôi nhà trên đất và bờ rào): Năm 2017, ông Đ và bà N cùng nhau xây dựng căn nhà có D tích 180 m^2, (theo định giá là 572.400.000 Đ). Việc xây nhà trên đất là có sự thống nhất giữa ông Đ và bà N, thể hiện bà N có sang chăm sóc và theo dõi công trình, bà N là người đi làm giấy phép xây dựng ngôi nhà, có tham gia trả và ký nhận một số vật liệu như gạch và trả tiền sắt. Nhưng phần lớn tiền công và vật liệu để xây nhà là do ông Đ thanh toán với ông D số tiền là 750.000.000 Đ. Đánh giá công sức duy trì, bảo quản tài sản ông Đ và N là Nng nhau vì cả hai người đều nộp tiền thuế sử dụng đất cho nhà nước, đều thăm nom, quản lý thửa đất.

[1.5] Từ phân tích trên, Hội Đ xét xử thấy rằng, Hội Đ xét xử sơ thẩm đã dựa trên công sức đóng góp của mỗi người vào khối tài sản chung, đảm bảo quyền và lợi ích của mỗi bên đối với khối tài sản chung, và chia theo tỷ lệ phù hợp, cụ thể:

Đối với phần đóng góp trong việc hình thành tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất (theo giá của hội Đ định giá là 1.571.400.000 Đ) thì phần lớn là của ông Đ, nên chia cho ông Đ phần nhiều hơn là 80% giá trị thửa đất, tương ứng là số tiền 1.257.120.000 Đ; bà N cũng có công nhưng phần đóng góp ít hơn nên chia cho bà N 20% giá trị thửa đất, tương ứng là số tiền 314.280.000 Đ.

Đối với phần công sức đóng góp và phân chia đối với tài sản là ngôi nhà với giá trị theo định giá là 572.400.000đ Đ: Đóng góp, công sức của bà N là 40% giá trị tài sản và ông Đ là 60% giá trị tài sản. Tương ứng ông Đ được là 343.440.000 Đ và bà N là 228.960.000 Đ.

Đối với tài sản là bờ rào, tài sản này có từ khi nhận chuyển nhưởng thửa đất nên chia đôi, giá trị bờ rào theo định giá là 14.386.000 Đ, ông Đ và bà N mỗi người đều được chia 7.193.000 Đ.

Tổng giá trị tài sản chung chia cho ông Phạm Viết Đ là 1.607.753.000 Đ, chia cho bà Hoàng Thị N là 550.433.000 Đ.

[1.6] Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N về việc yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố V hoặc xét xử lại theo hướng buộc ông Phạm Viết Đ pH chia đôi thửa đất số 273 và tài sản là căn nhà hai tầng đang trong quá trình xây dựng trên thửa đất; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Viết Đ về việc đề nghị Toà án xem xét chỉ chia tài sản chung giữa ông Đ và bà N là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, D tích 261,9 m^2 tại xóm Khánh Hậu, xã H, thành phố V, Nghệ An với tỉ lệ: Ông Đ được hưởng 85% giá trị thửa đất, bà N được hưởng 15% giá trị thửa đất, không chia tài sản là ngôi nhà 2 tầng gắn liền với thửa đất vì đó là tài sản riêng của ông Đ. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân

thành phố V như đề nghị của đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2] Về án phí: Do kháng cáo của bà Hoàng Thị N và ông Phạm Viết Đ không được chấp nhận nên pH chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên nguyên đơn ông Phạm Viết Đ là cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ông Đ được miễn án phí.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội Đ xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phạm Viết Đ và bà Hoàng Thị N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 207, Điều 209, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Viết Đ và yêu cầu của bà Hoàng Thị N về việc chia tài sản chung.

Giao cho ông Phạm Viết Đ được quyền sử dụng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 30, diện tích 261,9 m^2, tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An và các tài sản trên đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 741126 ngày 18/10/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Phạm Viết Đ và bà Hoàng Thị N, tổng giá trị tài sản là: 2.157.000.000 (Hai tỉ, một trăm năm mươi bảy triệu) Đ, nhưng ông Phạm Viết Đ pH thanh toán cho bà Hoàng Thị N số tiền 550.433.000 (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn) Đ. Ông Phạm Viết Đ được hưởng tổng giá trị tài sản chung là 1.607.753.000 (Một tỷ, sáu trăm linh bảy triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn) Đ.

Sau khi ông Phạm Viết Đ thực hiện thanh toán cho bà Hoàng Thị N số tiền nói trên (550.433.000 Đ), ông Phạm Viết Đ có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan Nhà nước thẩm quyền để thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với toàn bộ nhà đất tại xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Viết Đ. Buộc bà Hoàng Thị N pH chịu 26.017.000 (Hai mươi sáu triệu, không trăm mười bảy nghìn) Đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị N pH chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) Đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) Đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009607 ngày 14/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND,VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN

Thái Thị Hồng Vân